

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 15/11/2019
V/v: “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phương Đông.

Ông Ngô Thanh Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường số 5 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”. Do bản án sơ thẩm số 102/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Hoàng L, sinh năm 1968

Địa chỉ thường trú: khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: phường B thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Hoàng Thị Hồng N, sinh ngày: 02/8/1989

2/ Anh Hoàng Tuấn H, sinh ngày 13/12/1992

3/ Chị Hoàng Thị Yến Nh, sinh ngày 09/8/2000

4/ Chị Bùi Thị Hương Th, sinh ngày 07/01/1992

5/ Cháu Trần Anh M, sinh năm 2015.

6/ Cháu Hoàng Gia H, sinh năm 2019.

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của các cháu Trần Anh M và cháu Hoàng Gia H: Anh Hoàng Tuấn H và chị Bùi Thị Hương Th.

Đại diện theo ủy quyền của anh H, chị N; chị Nh: Bà Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2018).

(Bà V, ông L và anh H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L kết hôn năm 1988 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Về con chung: Có 03 con chung là chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1989, anh Hoàng Tuấn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, bà và ông L có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất có diện tích sử dụng là 90m², diện tích xây dựng là 75,20m² đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4701230146 ngày 17/12/1999 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống, ông L không chú tâm làm ăn và nuôi dạy các con, lại đam mê cờ bạc. Rất nhiều lần bà đã phải đứng ra trả nợ thay cho ông L. Còn bà một lòng chung thủy với chồng, vun vén cho gia đình, chăm sóc con cái chu đáo, nhưng ông L vẫn không chịu sửa đổi, để bà phải một mình vất vả giữ gìn, tu dưỡng tài sản chung tồn tại cho đến ngày hôm nay. Năm 2012, ông L ngoại tình với người khác và yêu cầu bà phải phân chia khối tài sản chung là nhà và đất nêu trên. Ngày 03/10/2012, để chiều theo ý ông L, giữa bà và ông L có lập một bản cam kết thỏa thuận phân chia tài sản chung thể hiện ông L đã nhận số tiền gần 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), đồng nghĩa với việc nhận tiền này thì ông L không có quyền lợi gì trong căn nhà trên, việc này có người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc T. Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên là tài sản của một mình bà vì bà đã thay ông L trả hết các khoản nợ mà ông L đã vay mượn trước

đây. Giá trị tài sản thì bà đồng ý theo chứng thư thẩm định giá. Ngày 23/3/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ V có đơn yêu cầu bổ sung giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng L vì nhận thấy tình cảm giữa bà và ông L không còn.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tường trình ngày 30/8/2018 và các ý kiến trong quá trình Tòa án làm việc, bị đơn ông Hoàng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận vào năm 1988 đúng như bà V khai. Nay bà V yêu cầu xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung là chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1989, anh Hoàng Tuấn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh năm 2000. Ly hôn các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà V có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất có diện tích sử dụng là 90m², diện tích xây dựng là 75,20m² đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4701230146 ngày 17/12/1999 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, việc bà Vân trình bày ông không lo làm ăn thì ông không đồng ý vì ông cho rằng việc gây dựng nên tiệm sửa xe Bảy Hiệp Lực có công sức của ông, do ông làm chủ và là người đứng ra sản xuất mua bán cùng bà V và các con, có nghề nghiệp đáng hoàng. Từ việc làm tiệm xe này mới có tiền mua căn nhà hiện cả nhà đang sinh sống và tranh chấp. Ngoài ra vào năm 2005, ông còn trúng độc đắc xổ số với số tiền 450.000.000đ và năm 2015 vợ chồng ông có bán 01 căn nhà riêng tại phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa trị giá 1.000.000.000đ.

Trong năm 2012, ông chỉ mượn của bà V số tiền 200.000.000đ để trả nợ, nhưng lại ghi là ông nhận 2.000.000.000đ là không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông không đồng ý giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá theo ông giá trị tài sản nhà và đất là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng), ông yêu cầu Tòa án chia đôi và ông được nhận phần tài sản bằng hiện vật là nhà và đất, ông thanh toán lại cho bà Vân số tiền ½ giá trị là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 25/7/2018, anh Hoàng Tuấn H; chị Hoàng Thị Yến Nh; chị Hoàng Thị Hồng N và chị Bùi Thị Hương Th trình bày:* Các anh, chị là con ruột của ông L và bà V. Hiện nay các anh, chị đang sinh sống trong căn nhà mà bố mẹ đang tranh chấp yêu cầu chia tài sản. Về vấn đề ly hôn của bố mẹ thì các anh, chị không có ý kiến. Về vấn đề chia tài sản chung là nhà và đất có diện tích sử

dụng là 90m², diện tích xây dựng là 75,20m² đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4701230146 ngày 17/12/1999 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, các anh chị đề nghị Tòa án giải quyết chia cho bà V được hưởng phần nhiều hơn trong khối tài sản chung vì bà V là người có công gìn giữ tài sản trong quá trình chung sống.

** Tại bản án sơ thẩm số 102/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ V. Bà Nguyễn Thị Mỹ V được ly hôn với ông Hoàng L.

Về con chung: Có 03 con chung là chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1989, anh Hoàng Tuấn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh năm 2000. Sau khi ly hôn các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Là nhà và đất có diện tích sử dụng là 90m², diện tích xây dựng là 75,20m² đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4701230146 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/12/1999 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo chứng thư Thẩm định giá ngày 13/11/2018 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến thì giá trị toàn bộ của nhà và đất là: 4.639.964.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Giá trị nhà và đất được chia theo tỷ lệ 5/5. Bà Nguyễn Thị Mỹ V và ông Hoàng L, mỗi người được hưởng: $4.639.964.000 : 2 = 2.319.982.000đ$ (Hai tỷ ba trăm mười chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ V được quyền sở hữu nhà và đất có diện tích sử dụng là 90m², diện tích xây dựng là 75,20m² đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4701230146 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/12/1999 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Giá trị quyền sử dụng đất là 4.023.500.000đ (Bốn tỷ không trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); giá trị công trình xây dựng đã qua sử dụng là 616.464.000đ (Sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Mỹ V tự liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định.

Do trước đó, ông L đã nhận số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng), nên buộc bà V phải thanh toán lại số tiền chênh lệch do nhận tài sản lớn hơn cho ông Hoàng L là: $2.319.982.000đ - 1.800.000.000đ = 519.982.000đ$ (Năm trăm mười chín triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Về nợ chung: Không có.

Về Án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà V đã nộp xong, thể hiện tại Biên lai tạm ứng án phí số 006529 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa.

Án phí chia tài sản chung:

Đối với bà Vân: Bà V phải nộp số tiền 76.199.460đ. Bà V đã nộp 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) thể hiện tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 006456 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa. Bà V còn phải nộp thêm số tiền là $76.199.460đ - 28.500.000đ = 47.699.460đ$ (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

Đối với ông Hoàng L: Ông L phải nộp số tiền 24.799.280đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn hai trăm tám mươi đồng).

Ông Hoàng L còn phải thanh toán lại số tiền 13.718.500đ (Mười ba triệu bảy trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) là tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và Thẩm định giá tài sản cho bà Nguyễn Thị Mỹ V.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và trách nhiệm thi hành hành án.

- Ngày 09/8/2019, bị đơn ông Hoàng L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia lại phần tài sản chung và xem xét số tiền khai đã trả nợ.

- Ngày 09/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa kháng nghị theo Quyết định 4374a/QĐKNPT-VKS-DS yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án do vi phạm thủ tục tố tụng.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Đối với nội dung kháng cáo của ông L: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L đồng ý với việc Tòa sơ thẩm xác định số tiền bà V đã trả nợ cho ông L là 1.800.000.000đ và đồng ý số tiền 519.982.000đ mà cấp sơ thẩm đã chia cho ông, ông cũng xác định không có nợ chung và nợ riêng cũng như không có tài sản chung nào khác yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời rút toàn bộ kháng cáo. Như vậy, với nội dung thỏa thuận mới này các bên đã thống nhất được về việc chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đồng thời đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông L.

Đối với nội dung kháng nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L bà V đã thỏa thuận được về vấn đề chia tài sản chung và ông L thừa nhận việc bà V có trả nợ thay số tiền 1.800.000.000đ nên không cần thu thập thêm chứng cứ để chứng minh cho việc bà V trả nợ thay cho ông L. Do đó nội dung kháng nghị này là không còn cần thiết, vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa rút phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Về án phí sơ thẩm: Ông L, bà V mỗi người được chia số tiền là 2.319.982.000đ. Theo quy định tại điểm đ mục 1.3 của Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì số tiền án phí bà V, ông L mỗi người phải chịu là 78.399.640đ. Bản án sơ thẩm đã tuyên bà V phải chịu án phí số tiền 76.199.460đ và ông L phải chịu án phí số tiền 24.799.280đ là chưa đúng quy định, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Nội dung kháng nghị trên là có cơ sở.

Vì những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị về phần án phí sơ thẩm. Sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của hai bên về việc chia tài sản chung và sửa án phí dân sự sơ thẩm; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo và phần Viện kiểm sát rút kháng nghị theo quy định tại Điều 289, khoản 1, 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng L làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Đối với nội dung kháng cáo của ông Hoàng Lành:*

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông L và bà V xác định trong thời kỳ hôn nhân bà V đã trả nợ thay cho ông L tuy nhiên hai bên không thống nhất được với nhau về số tiền. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L không đồng ý với nhận định của Tòa án sơ thẩm về việc cản trở số tiền 1.800.000.000đ mà bà V đã trả nợ thay cho ông L vào tài sản chung khi chia nên ông L kháng cáo. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, ông L và bà V có thống nhất lại với nhau như sau: Ông L và bà V đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm số 102/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bao gồm phần quan hệ hôn nhân, con chung, số tiền tài sản chung chia cho mỗi bên là 2.319.982.000đ, chi phí tố tụng và không có nợ chung. Ngoài số tiền 519.982.000 đồng (theo Bản án sơ thẩm số 102/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019

của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã chia cho ông L), Bà V đồng ý thanh toán thêm cho ông L số tiền 680.018.000đ nữa để giải quyết dứt điểm tranh chấp, tổng cộng bà V thanh toán cho ông L 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) là phần tài sản chung của ông L sau khi đã trừ các khoản tiền mà bà V đã trả nợ thay cho ông L và giao bà V sở hữu nhà gắn liền thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông L đồng ý nhận số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và rút toàn bộ đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

Xét thấy việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết nội dung nêu trên và rút toàn bộ kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo.

[2.2] *Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát đã rút một phần kháng nghị do các đương sự tự nguyện thỏa thuận được về vấn đề chia tài sản chung nên vấn đề chứng cứ để chứng minh về việc bà V trả nợ thay không cần thiết phải chứng minh nữa. Xét thấy việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát phù hợp pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị.

Theo Bản án sơ thẩm ông L và bà V mỗi người được chia số tiền là 2.319.982.000đ. Căn cứ quy định tại điểm đ mục 1.3 của Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì số tiền án phí có giá ngạch bà V và ông L mỗi người phải chịu là 78.399.640đ. Bản án sơ thẩm đã tuyên bà V phải chịu án phí 76.199.460đ và ông L phải chịu án phí 24.799.280đ là chưa đúng quy định. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa có cơ sở nên chấp nhận một phần kháng nghị, sửa án sơ thẩm về phần án phí có giá ngạch.

[3] Về án phí:

[3.1] *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 006529 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa (đã nộp xong).

Án phí có giá ngạch: Áp dụng điểm đ mục 1.3 của Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Bà V phải chịu 78.399.640đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

tòa án số 006456 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa. Bà Vân còn phải nộp tiếp số tiền là 49.899.640đ (Bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Ông L phải chịu 78.399.640đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lành số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000178 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, phù hợp quy định của pháp luật và quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 289; khoản 2 và khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng các Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo.
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị.
- Chấp nhận một phần kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm số 102/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về án phí.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ V. Bà Nguyễn Thị Mỹ V được ly hôn với ông Hoàng L.

Về con chung: Có 03 con chung là chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1989, anh Hoàng Tuấn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ V với ông Hoàng L, cụ thể như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ V được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (nhà ở có tổng diện tích sử dụng là 90m², diện tích xây dựng là 75,20m²) gắn liền diện tích đất 75,20m² thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại số 82/2 đường Quốc Lộ 1, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4701230146 ngày 17/12/1999. Theo bản vẽ hiện trạng nhà và bản đồ hiện trạng khu đất số 4571/2018 ngày 02/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Biên Hòa (hiện trạng được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,1 diện tích đất 75,5m²). Và theo chứng thư Thẩm định giá số 128/TĐG-CT ngày 13/11/2018 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến.

Bà Nguyễn Thị Mỹ V có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng L số tiền chia tài sản chung 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Trong đó bao gồm số tiền 519.982.000đ theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 102/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và số tiền thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm 680.018.000đ.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh đối với quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí HNGĐ: Bà Nguyễn Thị Mỹ V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 006529 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa (đã nộp xong).

Án phí có giá ngạch: Bà V phải chịu 78.399.640đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 006456 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa. Bà V còn phải nộp tiếp số tiền là 49.899.640đ (Bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Ông L phải chịu 78.399.640đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Về phí dân sự phúc thẩm: Ông Lành không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại 300.000đ cho ông Lành đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000178 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa.

Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng L phải thanh toán lại số tiền 13.718.500đ (Mười ba triệu bảy trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và Thẩm định giá tài sản cho bà Nguyễn Thị Mỹ V.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thi Thu Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Sỹ

Trần Phương Đông

Hoàng Thị Thu Minh

